` **TÒA ÁN NHÂN DÂN**
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33**/2017/DS-PT
Ngày 26 tháng 10 năm 2017
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Thủy**
- *Các Thẩm phán:* Bà **Lưu Hồ Loan**
Bà **Hoàng Thị Minh Khánh**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Lương Hữu San** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà **Ngô Thị Vỹ** - Kiểm sát viên Trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2017/TLPT- DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc *"Kiện đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS - ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2017/QĐ-PT, ngày 11 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị L (tên gọi khác: M), sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: Số nhà 49, tổ 13, phường S, thành phố Q, tỉnh Q.

Ông Trịnh Xuân T ủy quyền cho bà Hoàng Thị L tham gia tố tụng tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 79, tổ 13, phường S, thành phố Q, tỉnh Q.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D – Là bị đơn trong vụ án.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và nội dung bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Xuân T và bà Hoàng Thị L (tức M) trình bày:

Ngày 26/01/2010, vợ chồng ông T và bà L cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả tiền là 10 ngày sau ngày vay tiền. Khi vay tiền, bà D có viết giấy vay tiền cho ông T, bà L. Quá thời hạn trả tiền bà D không trả tiền cho ông T và bà L như đã thỏa thuận, ông bà đã đến đòi tiền nhiều lần nhưng bà D đều hứa hẹn nhưng vẫn không trả cả gốc và lãi. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D trả cho ông bà số tiền gốc đã vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 58.800.000đồng. Trong quá trình hòa giải tại cấp sơ thẩm, ông T và bà L không yêu cầu bà D phải trả tiền lãi của số tiền vay mà chỉ yêu cầu bà D trả số tiền gốc là 70.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà thừa nhận có vay số tiền 70.000.000đồng như trong giấy vay tiền mà ông T và bà L đã nộp cho Tòa án. Giấy vay tiền do bà viết, nội dung trong giấy vay tiền là đúng. Nhưng bà đã trả số tiền này cho bà L theo đúng thời hạn ghi trong giấy vay tiền. Khi trả tiền không có ai chứng kiến và cũng không có giấy tờ gì, lúc đó bà L có đưa cho bà 01 giấy vay tiền mà bà đã viết cho bà L và ông T, do bà không kiểm tra nên khi nhận được giấy báo của Tòa án thì bà kiểm tra lại mới biết là giấy vay tiền bản phô tô chứ không phải bản gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị D xuất trình 01 quyển sổ bìa hoa văn màu hồng, bên trong có 08 trang giấy dòng kẻ ô ly có chữ viết tay ghi tên người nhận tiền là Hoàng Thị M. Theo bà D trình bày: Đây là sổ trả tiền lãi cho bà L (tức M), bà D đã trả hết số tiền gốc theo đúng thời gian ghi trong giấy vay nợ, còn lại tiền lãi bà đã trả dần cho bà L cho đến lần thứ 19 (trang thứ 8) ghi *"Vào ngày 9.8. âm 2012 ...là hết"*, theo sổ ghi chép này thì bà đã trả hết tiền vay nợ cả gốc và lãi cho bà L như hai bên đã thoả thuận với nhau. Vì vậy bà giữ nguyên ý kiến là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và ông T.

Tại bản kết luận giám định số 306/GĐ-KTHS ngày 16/6/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, nội dung kết luận: Chữ viết "Là hết" với chữ viết, chữ số còn lại tại trang thứ 8 của quyển sổ bìa hoa văn màu hồng, ghi bằng mực màu xanh có nội dung: "Lần 19: Vào ngày 9.8. Âm 2012 … (một triệu đồng chẵn)- Là hết. Hoàng Thị M" không phải do cùng một người viết (không phải do bà M viết).

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý, điều tra, hòa giải nhưng không thành và đã đưa ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS – ST, ngày 28/7/2017 Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 161, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 167, 351, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân T và bà Hoàng Thị L (tức M):

- Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Xuân T và bà Hoàng Thị L (tức M) số tiền 60.000.000đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu chi phí giám định và hoàn trả cho bà Hoàng Thị L (tức M) số tiền 3.000.000đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/8/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà thừa nhận có được vay của bà M số tiền 70.000.000đ nhưng đã trả cho bà M sau 10 ngày theo đúng thời hạn đã hẹn trong giấy vay tiền nhưng không làm giấy tờ và bà M có đưa cho bà 01 bản phô tô giấy vay nợ. Bà khẳng định số tiền 8.800.000đ mà bà trả cho bà M trong 19 lần là cộng dồn các khoản tiền lãi bà vay tiền của bà M nhiều lần. Đến lần thứ 19 thì bà trả hết cho bà M toàn bộ số tiền lãi nên ghi chữ "Là hết". Bà xác định bà không còn nợ nần gì tiền của bà M nên không nhất trí với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị L (M) xác định việc bà D trả cho bà tổng số tiền 8.800.000đ trong 19 là trả tiền nợ gốc chứ không phải là trả tiền lãi như bà D trình bày. Do bà D vẫn còn nợ tiền nên bà không giao cho bà D bản gốc giấy vay nợ. Vợ chồng bà đã đến nhà bà D đòi nợ nhiều lần nhưng bà D không trả nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà xác định mình không được viết chữ "*Là hết*" trong cuốn sổ vay nợ tại lần trả nợ thứ 19 của bà D.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trình tự thủ tục giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D là hợp lệ, trong hạn luật định.

Về nội dung: Bà D kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D:

Bà D kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho phía nguyên đơn số tiền 60.000.000đ. Bà thừa nhận có được vay của bà M số tiền 70.000.000đ nhưng đã trả cho bà M sau 10 ngày theo đúng thời hạn đã hẹn trong giấy vay tiền. Khi trả tiền bà và bà M không làm giấy tờ gì, bà M

có trả cho bà 01 bản phô tô giấy vay nợ. Bà khẳng định số tiền 8.800.000đ mà bà trả cho bà M trong 19 lần là cộng dồn các khoản tiền lãi bà vay tiền của bà M nhiều lần. Đến lần thứ 19 thì bà trả hết cho bà M số tiền lãi nên ghi chữ "Là hết". Bà xác định bà không còn nợ nần gì tiền của bà M nên không nhất trí với bản án sơ thẩm.

HĐXX thấy rằng việc bà D vay của bà Hoàng Thị L (tức M) số tiền 70.000.000đ được thể hiện bằng "Giấy vay tiền" đề ngày 26/01/2010. Thời hạn trả nợ trong giấy vay tiền là sau 10 ngày, kể từ ngày vay tiền. Tuy nhiên sau đó giữa hai bên phát sinh tranh chấp. Bà D cho rằng mình đã trả tiền theo đúng thời hạn đã hẹn trong giấy vay tiền, khi trả tiền hai bên không làm giấy tờ gì và cũng không có ai khác chứng kiến. Phía nguyên đơn không thừa nhận và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả nợ số tiền vay 70.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà D xuất trình cuốn sổ theo dõi việc trả tiền (tổng cộng 19 lần trả lãi với tổng số tiền 8.800.000đ) và khẳng định mình đã trả hết số tiền nợ gốc 70.000.000đ, còn việc trả lãi đến ngày 09/8/2012 (âm lịch) bà đã trả xong cho bà M (L) số tiền lãi còn lại là 1.000.000đ, bà M đã ký tên xác nhận và ghi nội dung "*Là hết*" trong sổ theo dõi. Tuy nhiên bà M không thừa nhận mình viết nội dung "*Là hết*" trong cuốn sổ do bà D xuất trình và chỉ thừa nhận trong 19 lần bà D trả nợ là trả tiền vay nợ gốc và chỉ nhất trí trừ cho bà D số tiền 10.000.000đ mà bà D đã trả trong 19 lần (tính tròn thành 10.000.000đ). Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành giám định theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại Bản kết luận giám định số 306/GĐ – KTHS, ngày 16/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Q kết luận chữ viết "*Là hết*" trong nội dung "*Lần 19: Vào ngày 9.8 Âm 2012 ...(một triệu đồng chẵn) – Là hết. Hoàng thị M*" không phải do bà M (L) viết nên không thể sử dụng làm căn cứ để chứng minh cho việc bà D đã trả hết số tiền nợ cho bà M. Ngoài cuốn sổ trên bà D không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh mình cho việc đã trả cho bà L (M) số tiền đã vay. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại là 60.000.000đ là có căn cứ.

Từ những phân tích như trên, HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2017/DS – ST, ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân T và bà Hoàng Thị L (tức M):

- Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Xuân T và bà Hoàng Thị L (tức M) số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu chi phí giám định và hoàn trả cho bà Hoàng Thị L (tức M) số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003314, ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Q. Bà Nguyễn Thị D đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/10/2017).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy

CÁC THẨM PHÁN

Hoàng Thị Minh Khánh - L□u Hồ Loan

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Khánh - L□u Hồ Loan

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Q;
- TAND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Thủy